|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo**

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số …./TTr-SNN&PTNT ngày …/…/2024 về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và ý kiến tham gia của các sở, ngành, đơn vị liên quan; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp *(Có các văn bản gửi kèm)*; UBND tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, xây dựng chính sách hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với nội dung chủ yếu sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHÍNH SÁCH**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

- Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13;

- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36- NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/2/2021 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030;

- Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 26/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển thành phố Sầm Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 15/01/2019 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 Ban hành Quy định tiêu chí đặc thù đối với đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa; quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá; phân công, phân cấp quản lý tàu cá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; sửa đổi tại Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 15/01/2019 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13/NQCP ngày 03/02/2021 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 3805/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1960/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 17/2/2022 về việc ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 26/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển thành phố Sầm Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 1090/QĐ-TTg ngày 19/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2022 - 2025, định hướng 2030;

- Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái;

- Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động Triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**2. Căn cứ thực tiễn**

Thanh Hoá là tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ, có đường bờ biển dài 102 km, trải dài qua 6 huyện, thị xã, thành phố ven biển, dọc bờ biển có 7 cửa lạch lớn nhỏ, trong đó có 3 cửa lạch lớn là: Lạch Trường, Lạch Hới, Lạch Bạng đang được đầu tư thành những trung tâm nghề cá lớn của tỉnh. Vùng biển Thanh Hóa là một trong những ngư trường quan trọng, có tính đa dạng sinh học cao nơi trú ngụ, sinh sản và phát triển của đa số các loài thủy sản có tại Vịnh Bắc Bộ, với số lượng tàu cá khai thác thủy sản lớn, 6.684 chiếc; trong đó: có 4.752 chiếc hoạt động ở vùng biển ven (mủng, bè mảng, tàu cá có chiều lớn nhất dài dưới 12m), chiếm 71% tổng số tàu cá *(Cụ thể phụ lục 1 kèm theo)*.

Khu vực ven biển của tỉnh được thiên nhiên ban tặng với những bãi biển đẹp, có bãi tắm Sầm Sơn nổi tiếng và các khu nghỉ mát khác như Hải Tiến - Hoằng Hóa, Hải Hòa - Nghi Sơn,… có tiềm năng rất lớn phát triển thành những khu du lịch, đô thị biển hiện đại, hấp dẫn, thân thiện, đô thị du lịch trọng điểm quốc gia, điểm đến lý tưởng của du khách trong nước và quốc tế, điển hình là các dự án: Không gian du lịch ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn (từ phường Quảng Cư đến phường Bắc Sơn), Dự án quảng trường biển - Sầm Sơn; Khu du lịch, đô thị ven biển huyện Quảng Xương, Flamingo Hải Tiến - Hoằng Hóa; khu du lịch Linh Trường - Hoằng Hóa; các khu du lịch, đô thị đã được quy hoạch, chấp thuận chủ trương đầu tư, như: Khu đô thị Du lịch ven biển tại xã Quảng Nham và xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương; Khu du lịch, đô thị biển: Hải Ninh, Tân Dân, Ninh Hải - TX Nghi Sơn,…; Qua thống kê, rà soát có khoảng 1.788 tàu cá ven bờ *(Cụ thể phụ lục 1 kèm theo)* thường xuyên neo đậu tại các khu du lịch biển, đây hầu hết là các tàu cá đi về trong ngày, sản phẩm thủy sản bốc dỡ tại bờ biển, khu du lịch gây mất mỹ quan, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, thu hẹp không gian du lịch ven biển.

Để phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của biển góp phần phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn theo tinh thần Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị, Thanh Hóa thành một trong những trung tâm du lịch của cả nước; đồng thời, phát triển thủy sản gắn với nâng cao đời sống vật chất tinh thần của ngư dân, xây dựng cảnh quan ven biển xanh, sạch đẹp, hiện đại, bảo đảm không gian biển cho phát triển du lịch biển; giảm dần theo lộ trình nghề khai thác không thân thiện với môi trường, tàu cá thô sơ không đảm bảo an toàn, tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản vùng bờ hợp lý, gắn với phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với du lịch sinh thái, nghề cá giải trí; đảm bảo thực hiện mục tiêu đến 2045 cắt giảm 40% tàu cá hoạt động vùng ven bờ theo nội dung Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái. Do đó, việc xây dựng chính sách giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là thực sự cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**

**1. Mục đích ban hành chính sách**

Kết hợp hài hòa giữa mục tiêu phát triển du lịch biển với phát triển kinh tế thủy sản bền vững; xây dựng, phát triển các khu du lịch biển hiện đại, hấp dẫn, thân thiện, môi trường cảnh quan ven biển sạch đẹp, thuận lợi cho việc khai thác tiềm năng du lịch, giảm áp lực khai thác thủy sản vùng ven bờ, hỗ trợ ngư dân chuyển đổi sinh kế, tạo công ăn việc làm mới, ổn định đời sống, nâng cao thu nhập.

**2. Quan điểm xây dựng chính sách**

**-** Xây dựng chính sách giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VIII Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII); Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược Phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030 và Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái; Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 15/01/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 623-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XIX;

- Ban hành chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn, tạo chuyển biến tích cực trong phát triển du lịch biển gắn với phát triển kinh tế cộng đồng ngư dân ven biển. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho chủ tàu cá; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch; khả thi khi triển khai thực hiện.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Ban hành Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12m, thuộc phạm vi ảnh hưởng của các khu du lịch biển đã được công nhận và dự án du lịch ven biển đã được phê duyệt/đang triển khai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

**1. Tên gọi chính sách:** chính sách hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**2. Mục tiêu của chính sách**

Cắt giảm tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trong giai đoạn 2026-2045, cắt giảm 40% tàu cá hoạt động vùng ven bờ theo nội dung Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái.

**3. Nội dung chính sách:** Hỗ trợ một phần chi phí để khuyến khích ngư dân, chủ tàu cá giải bản tàu cá ven bờ và cam kết không phục hồi tàu cá hoặc đưa tàu cá mới về neo đậu tại các khu du lịch biển. Chủ tàu tự thực hiện phá dỡ tàu cá dưới sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương.

**4. Giải pháp thực hiện**

Thực hiện khảo sát giá thành đóng mới, mua mới đối với vỏ tàu cá (mủng, bè, mảng, vỏ gỗ) trong năm 2023 và 2024 cụ thể như sau

*a) Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 6 mét:*

- Mủng nan: vật liệu vỏ làm bằng nan tre, luồng phủ nhựa đường, composit có giá trung bình khoảng 12 triệu đồng; ngư cụ giá trung bình khoảng 20 triệu đồng; tổng giá trị đóng mới là 32 triệu đồng/chiếc.

- Bè mảng: vật liệu vỏ làm bằng gỗ, luồng, tre, xốp có giá trung bình khoảng 30 triệu đồng; máy tàu công suất 24 CV giá trung bình khoảng 25 triệu đồng/máy; ngư cụ giá trung bình khoảng 20 triệu đồng/tàu; thiết bị hàng hải (bộ đàm, la bàn) khoảng 5 triệu đồng; tổng giá trị là: 80 triệu đồng/chiếc.

 *b) Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m:*

- Bè, mảng làm bằng gỗ, luồng, tre, xốp có giá trung bình khoảng 60 triệu đồng; máy tàu công suất đến 90 CV có giá trung bình khoảng 80 triệu đồng; ngư cụ giá trung bình khoảng 60 triệu đồng; trang thiết bị khác (la bàn, đàm thoại, neo, tời) có giá trị khoảng 30 triệu đồng/tàu; tổng giá trị đóng mới là: 230 triệu đồng/chiếc.

- Tàu cá vỏ bằng gỗ có giá khoảng 280 triệu đồng; máy tàu đến 90 CV có giá trung bình khoảng 80 triệu đồng; ngư cụ giá trung bình khoảng 60 triệu đồng; trang thiết bị khác (la bàn, đàm thoại, neo, tời) có giá trị khoảng 30 triệu đồng; tổng giá trị đóng mới là: 450 triệu đồng/chiếc.

**5. Lựa chọn giải pháp thực hiện chính sách**

Trên cơ sở lấy ý kiến tại các cuộc họp chuyên gia, tham vấn các bên liên quan để hoàn thiện nội dung chính của dự thảo chính sách:

- Năm 2022: Hội nghị với chuyên gia, tham vấn các bên liên quan để hoàn thiện nội dung chính của dự thảo chính sách ngày 01/8/2022 (lần 1), 05/8/2022 (lần 2), 11/8/2022 (lần 3) tại Sở Nông nghiệp và PTNT; Hội nghị xin ý kiến xây dựng chính sách tại TP Sầm Sơn ngày 12/8/2022 với thành phần: các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển; đại diện một số hộ ngư dân khai thác ven bờ bị ảnh hưởng tại các khu du lịch biển trên địa bàn thành phố Sầm Sơn.

- Năm 2024: Hội nghị thống nhất các nội dung đề nghị xây dựng chính sách với UBND các huyện, TX, TP ven biển tại Sở Nông nghiệp và PTNT ngày 20/8/2024; ý kiến tại các cuộc họp HĐND các huyện, thị xã, thành phố ven biển năm 2024.

Để hỗ trợ ngư dân giải bản, đề xuất mức hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá bằng 70% giá trị đóng mới. Cụ thể:

*- Tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 6m:*

+ Mủng nan (tre, luồng nan, composit): hỗ trợ 20.000.000 đồng/tàu cá;

+ Bè, mảng (gỗ, luồng, tre, xốp) gắn máy: hỗ trợ 55.000.000 đồng/tàu cá.

*- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m:*

+ Bè, mảng (gỗ, luồng, tre, xốp) gắn máy: hỗ trợ 160.000.000 đồng/tàu cá;

+ Tàu cá vỏ gỗ gắn máy: hỗ trợ 315.000.000 đồng/tàu cá.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

**1. Dự kiến nhu cầu kinh phí hỗ trợ và thời gian thực hiện**

a) Nhu cầu và kinh phí giải bản:

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo nhu cầu giải bản của UBND các huyện, dự kiến trong giai đoạn 2025 - 2030 là 937 tàu cá thực hiện giải bản, chiếm 52,4% tàu cá ven bờ thường xuyên neo đậu tại các khu du lịch biển, tổng dự toán kinh phí hỗ trợ giải bản là 105.670 triệu đồng, cụ thể:

- Năm 2025: 193 tàu, với tổng dự toán kinh phí 22.570 triệu;

- Năm 2026: 169 tàu, với tổng dự toán kinh phí 18.625 triệu;

- Năm 2027: 175 tàu, với tổng dự toán kinh phí 19.305 triệu;

- Năm 2028: 179 tàu, với tổng dự toán kinh phí 19.910 triệu;

- Năm 2029: 113 tàu, với tổng dự toán kinh phí 13.170 triệu;

- Năm 2030: 108 tàu, với tổng dự toán kinh phí 12.090 triệu.

*(Cụ thể phụ lục 2 kèm theo)*

b) Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác.

c) Thời gian thực hiện: 05 năm; từ ngày 01 tháng 06 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

**2. Dự kiến về nhân lực quản lý, thực hiện:** UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện.

**V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

Qua khảo sát thực tế, tỷ lệ ngư dân có nguyện vọng, đồng thuận tham gia chính sách tập trung chủ yếu trên địa bàn thành phố Sầm Sơn, vì vậy, để đảm bảo chính sách thực hiện hiệu quả, UBND tỉnh đề xuất 3 phương án, kính báo cáo HĐND tỉnh xem xét:

**1. Phương án 1:** HĐND thành phố Sầm Sơn ban hành chính sách phạm vi thực hiện trên địa bàn thành phố Sầm Sơn.

- Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12m, thuộc phạm vi ảnh hưởng của Khu du lịch biển Sầm Sơn.

- Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách thành phố Sầm Sơn và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Tổng dự toán kinh phí: 75.490 triệu đồng.

**2. Phương án 2:** HĐND tỉnh Thanh Hóa ban hành chính sách phạm vi thực hiện trên địa bàn thành phố Sầm Sơn, huyện Hoằng Hóa

- Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12m, thuộc phạm vi ảnh hưởng của Khu du lịch biển Sầm Sơn và Khu du lịch biển Hải Tiến

- Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Tổng dự toán kinh phí: 93.040 triệu đồng.

**3. Phương án 3:** HĐND tỉnh Thanh Hóa ban hành chính sách phạm vi thực hiện trên địa bàn 06 huyện, thị xã, thành phố ven biển,

- Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12m, thuộc phạm vi ảnh hưởng của các khu du lịch biển đã được công nhận và dự án du lịch ven biển đã được phê duyệt/đang triển khai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Tổng dự toán kinh phí: 105.670 triệu đồng.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA CHÍNH SÁCH**

Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân thông qua Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Quý 1 năm 2025.

 *(Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết; (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách; (3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản sao ý kiến góp ý; (4) Đề cương dự thảo nghị quyết; (5) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Sở Tư pháp; (6) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp).*

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết Ban hành ban hành chính sách hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên; - ..... | **TM. ỦY BẢN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |

**PHỤ LỤC 1: Số liệu tàu cá ven bờ thường xuyên neo đậu tại các khu du lịch biển đã được công nhận, dự án du lịch ven biển đã được phê duyệt/đang triền khai trên địa bàn tỉnh**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa phương** | **Tàu cá ven bờ** | **Trong đó tàu cá ven bờ thường xuyên neo đậu tại dự án, khu du lịch biển** |
| **Thúng, mủng nan** | **Bè, mảng, tàu cá có chiều dài dưới 6m** | **Bè, mảng có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tàu cá có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tổng số** | **Thúng, mủng nan** | **Bè, mảng, tàu cá có chiều dài dưới 6m** | **Bè, mảng có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tàu cá có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tổng số** |
| 1 | Huyện Nga Sơn |   | 4 |   | 197 | 201 |   |   |   |   | 0 |
| 2 | Huyện Hậu Lộc |   | 3 | 25 | 161 | 189 |   |   |   |   | 0  |
| 3 | Huyện Hoằng Hóa | 6 | 26 | 729 | 87 | 848 | 6 |   | 292 |   | 298 |
| 4 | TP Sầm Sơn | 538 | 35 | 759 | 57 | 1.389 | 538 | 35 | 759 | 53 | 1.385 |
| 5 | Huyện Quảng Xương |   |   | 463 | 13 | 476 |   |   |   |   |  0 |
| 6 | TX Nghi Sơn | 285 | 59 | 580 | 696 | 1.620 | 11 | 0 | 94 |   | 105 |
| 7 | TP Thanh Hóa |   |   |   | 29 | 29 |   |   |   |   | 0  |
| **Tổng cộng** | **829** | **127** | **2.556** | **1.240** | **4.752** | **555** | **35** | **1.145** | **53** | **1.788** |

**PHỤ LỤC 2: Tổng hợp nhu cầu giải bản tàu cá ven bờ tại các khu du lịch biển các khu du lịch biển đã được công nhận, dự án du lịch ven biển đã được phê duyệt/đang triền khai trên địa bàn tỉnh**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| **TT** | **Địa phương/năm**  | **Số lượng dự kiến giải bản tại các địa phương giai đoạn 2025-2030 (chiếc)** | **Dự toán chi phí giải bản tại các địa phương giai đoạn 2025-2030 (Triệu đồng)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng cộng** | **Mủng nan** | **Bè, mảng, tàu cá có chiều dài dưới 6m** | **Bè, mảng có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tàu cá có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tổng dự toán** | **Mủng nan** | **Bè, mảng, tàu cá có chiều dài dưới 6m** | **Bè, mảng có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** | **Tàu cá có chiều dài từ 6m đến dưới 12m** |
| **Tổng cộng** | **937** | **335** | **22** | **548** | **32** | **105.670** | **6.700** | **1.210** | **87.680** | **10.080** |
| **1** | **Năm 2025** | **193** | **63** | **4** | **120** | **6** | **22.570** | **1.260** | **220** | **19.200** | **1.890** |
| - | Sầm Sơn | 139 | 54 | 4 | 76 | 5 | 15.035 | 1.080 | 220 | 12.160 | 1.575 |
| - | Hoằng Hóa | 42 | 0 | 0 | 42 | 0 | 6.720 | 0 | 0 | 6.720 | 0 |
| - | Nghi Sơn | 12 | 9 |  | 2 | 1 | 815 | 180 | 0 | 320 | 315 |
| **2** | **Năm 2026** | **169** | **63** | **5** | **95** | **6** | **18.625** | **1.260** | **275** | **15.200** | **1.890** |
| - | Sầm Sơn | 139 | 54 | 4 | 76 | 5 | 15.035 | 1.080 | 220 | 12.160 | 1.575 |
| - | Hoằng Hóa | 13 | 0 | 1 | 12 | 0 | 1.975 | 0 | 55 | 1.920 | 0 |
| - | Nghi Sơn | 17 | 9 |  | 7 | 1 | 1.615 | 180 | 0 | 1.120 | 315 |
| **3** | **Năm 2027** | **175** | **65** | **5** | **99** | **6** | **19.305** | **1.300** | **275** | **15.840** | **1.890** |
| - | Sầm Sơn | 139 | 54 | 4 | 76 | 5 | 15.035 | 1.080 | 220 | 12.160 | 1.575 |
| - | Hoằng Hóa | 16 | 0 | 1 | 15 | 0 | 2.455 | 0 | 55 | 2.400 | 0 |
| - | Nghi Sơn | 20 | 11 |  | 8 | 1 | 1.815 | 220 | 0 | 1.280 | 315 |
| **4** | **Năm 2028** | **179** | **66** | **4** | **103** | **6** | **19.910** | **1.320** | **220** | **16.480** | **1.890** |
| - | Sầm Sơn | 139 | 54 | 4 | 76 | 5 | 15.035 | 1.080 | 220 | 12.160 | 1.575 |
| - | Hoằng Hóa | 15 | 0 | 0 | 15 | 0 | 2.400 | 0 | 0 | 2.400 | 0 |
| - | Nghi Sơn | 25 | 12 |  | 12 | 1 | 2.475 | 240 | 0 | 1.920 | 315 |
| **5** | **Năm 2029** | **113** | **38** | **2** | **69** | **4** | **13.170** | **760** | **110** | **11.040** | **1.260** |
| - | Sầm Sơn | 70 | 27 | 2 | 38 | 3 | 7.675 | 540 | 110 | 6.080 | 945 |
| - | Hoằng Hóa | 15 | 0 | 0 | 15 | 0 | 2.400 | 0 | 0 | 2.400 | 0 |
| - | Nghi Sơn | 28 | 11 |  | 16 | 1 | 3.095 | 220 | 0 | 2.560 | 315 |
| **6** | **Năm 2030** | **108** | **40** | **2** | **62** | **4** | **12.090** | **800** | **110** | **9.920** | **1.260** |
| - | Sầm Sơn | 70 | 27 | 2 | 38 | 3 | 7.675 | 540 | 110 | 6.080 | 945 |
| - | Hoằng Hóa | 10 | 0 | 0 | 10 | 0 | 1.600 | 0 | 0 | 1.600 | 0 |
| - | Nghi Sơn | 28 | 13 |  | 14 | 1 | 2.815 | 260 | 0 | 2.240 | 315 |